

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA HÀNH VI PHI NGÔN TỪ CỦA GIÁNG VIÊN ĐẾN VIỆC HỌC KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Điện lực

Nhận bài ngày 14/4/2026. Sửa chữa xong 20/5/2026. Duyệt đăng 29/5/2026.

Abstract

In the context of higher education reform towards a learner-centered approach, teachers' nonverbal behavior is considered an important factor influencing the effectiveness of English teaching and learning. This study investigates students' perceptions at Electric Power University regarding the impact of teachers' nonverbal behavior on learning English speaking skills. A mixed-methods approach was employed, including a survey of 215 students and semi-structured interviews with 5 students. The findings indicate that eye contact, smiles, friendly facial expressions, hand gestures, and expressive voice tones help increase learning motivation, reduce anxiety, and improve students' confidence in speaking English. In contrast, some negative nonverbal behaviors may decrease students' participation in classroom activities.

Keywords: Classroom communication, electric power university, English speaking skills, nonverbal behavior, students' perceptions.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, việc dạy và học Tiếng Anh tại Việt Nam đã có nhiều chuyển biến theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp và lấy người học làm trung tâm (Nguyễn et al., 2015). Bên cạnh kiến thức ngôn ngữ, giáo dục ngoại ngữ hiện đại ngày càng chú trọng đến khả năng tương tác và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh trong bối cảnh thực tế (Richards, 2006). Trong môi trường đó, giảng viên (GV) không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn đóng vai trò tạo động lực và thúc đẩy sự tham gia của sinh viên (SV) (Borg, 2006). Một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình này là hành vi phi ngôn từ như ánh mắt, cử chỉ, nét mặt, giọng điệu và khoảng cách giao tiếp (Knapp & Hall, 2010). Nhiều nghiên cứu cho thấy hành vi phi ngôn từ của GV có ảnh hưởng đáng kể đến cảm xúc, động lực và hiệu quả học tập của người học, đặc biệt trong lớp học kỹ năng nói tiếng Anh (Bambaeeroo & Shokrpour, 2017; Brown, 2001). Trong lớp học ngoại ngữ, hành vi phi ngôn từ không chỉ hỗ trợ truyền đạt thông tin mà còn góp phần tạo môi trường giao tiếp tự nhiên và giảm lo lắng ngôn ngữ cho người học (Fatemeh et al., 2014). Tuy nhiên, tại Việt Nam vẫn còn ít nghiên cứu tập trung tìm hiểu nhận thức của SV về tác động của hành vi phi ngôn từ trong môi trường đại học.

Tại Trường Đại học Điện lực, nhiều SV vẫn gặp khó khăn trong việc học nói tiếng Anh do tâm lý e ngại và thiếu tự tin khi giao tiếp. Trong bối cảnh đó, hành vi phi ngôn từ của GV có thể trở thành yếu tố hỗ trợ quan trọng giúp SV cảm thấy thoải mái và chủ động hơn trong quá trình học tập. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu nhận thức của SV về tác động của hành vi phi ngôn từ của GV đến việc học kỹ năng nói tiếng Anh, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập bộ môn Tiếng Anh trong môi trường đại học. Nghiên cứu tập trung trả lời hai câu hỏi sau: 1) SV nhận thức như thế nào về vai trò của hành vi phi ngôn từ của GV trong lớp học kỹ năng nói tiếng Anh?; 2) Những hành vi phi ngôn từ nào có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến động lực và sự tự tin khi nói tiếng Anh của SV?.

Email: vanth@epu.edu.vn

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp giữa định lượng và định tính nhằm đảm bảo tính toàn diện và độ tin cậy của dữ liệu (Cohen et al., 2000). Nghiên cứu được thực hiện với 215 SV Trường Đại học Điện lực, bao gồm SV chuyên và không chuyên tiếng Anh trong độ tuổi từ 18 đến 22. Đồng thời, 15 SV được lựa chọn tham gia phỏng vấn bán cấu trúc để thu thập dữ liệu chuyên sâu. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ và phỏng vấn bán cấu trúc nhằm tìm hiểu nhận thức, trải nghiệm và mức độ ảnh hưởng của hành vi phi ngôn ngữ của GV đến việc học kỹ năng nói tiếng Anh (Cohen et al., 2000). Dữ liệu định lượng được xử lý bằng thống kê mô tả để xác định tần suất, tỷ lệ phần trăm và giá trị trung bình, trong khi dữ liệu định tính được mã hóa theo chủ đề nhằm xác định các xu hướng nhận thức phổ biến của SV.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Khái niệm hành vi phi ngôn ngữ

Hành vi phi ngôn ngữ được hiểu là các tín hiệu giao tiếp không sử dụng ngôn ngữ lời nói nhằm truyền tải thông điệp, cảm xúc và thái độ giữa các cá nhân (Knapp & Hall, 2010). Theo Knapp và Hall (2010), giao tiếp phi ngôn ngữ bao gồm ánh mắt, biểu cảm khuôn mặt, cử chỉ, tư thế cơ thể, khoảng cách giao tiếp và giọng nói. Trong môi trường giáo dục, hành vi phi ngôn ngữ của GV có vai trò hỗ trợ và tăng hiệu quả giao tiếp trong lớp học (Bambaeeroo & Shokrpour, 2017). Mehrabian (1971) cho rằng phần lớn thông điệp cảm xúc trong giao tiếp trực tiếp được truyền tải thông qua các yếu tố phi ngôn ngữ thay vì lời nói. Điều này cho thấy người học không chỉ tiếp nhận kiến thức qua nội dung bài giảng mà còn thông qua cách GV thể hiện thái độ và cảm xúc trong quá trình giảng dạy.

3.2. Hành vi phi ngôn ngữ trong giảng dạy ngoại ngữ

Trong giảng dạy ngoại ngữ, hành vi phi ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường giao tiếp tự nhiên và giảm rào cản ngôn ngữ (Richards, 2006). Các nghiên cứu cho thấy cử chỉ, nét mặt và giọng điệu của giáo viên giúp người học hiểu nội dung và ngữ cảnh giao tiếp hiệu quả hơn (Harmer, 2007). Fatemeh, Farahman và Hamed (2014) khẳng định rằng hành vi phi ngôn ngữ giúp tăng khả năng ghi nhớ, hỗ trợ hiểu bài và cải thiện động lực học tập của SV học Tiếng Anh như ngoại ngữ. Giao tiếp bằng mắt và nét mặt thân thiện còn giúp tạo cảm giác gần gũi và khuyến khích người học tham gia giao tiếp nhiều hơn. Bambaeeroo và Shokrpour (2017) cũng nhấn mạnh rằng giáo viên thành công không chỉ dựa vào năng lực chuyên môn mà còn ở khả năng sử dụng hiệu quả hành vi phi ngôn ngữ trong lớp học.

3.3. Vai trò của kỹ năng nói trong học Tiếng Anh

Kỹ năng nói được xem là một trong những kỹ năng quan trọng nhất trong việc học ngoại ngữ vì phản ánh trực tiếp khả năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp thực tế (Richards, 2006). Tuy nhiên, nhiều SV Việt Nam vẫn gặp khó khăn trong việc phát triển kỹ năng nói do thiếu môi trường thực hành, tâm lý sợ sai và thiếu tự tin. Theo Ur (1996), lo lắng và áp lực tâm lý là những rào cản lớn đối với người học khi tham gia hoạt động nói tiếng Anh. Trong bối cảnh đó, hành vi phi ngôn ngữ tích cực của GV có thể giúp giảm áp lực tâm lý và tạo cảm giác an toàn cho người học. Ngoài ra, Vygotsky (1978) cho rằng học tập mang tính xã hội và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sự tương tác giữa người học với môi trường xung quanh. Vì vậy, trong lớp học kỹ năng nói, GV không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn là đối tác giao tiếp hỗ trợ người học phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3.4. Nhận thức của sinh viên về hành vi phi ngôn ngữ của giảng viên

Nhận thức của SV phản ánh mức độ ảnh hưởng của hành vi giảng dạy đối với người học. Một số nghiên cứu quốc tế cho thấy SV thường đánh giá cao những GV có phong thái thân thiện, ánh mắt tích cực và giọng nói truyền cảm (Mottet & Richmond, 2002). Theo Mottet và Richmond (2002), hành vi phi ngôn ngữ của GV có ảnh hưởng trực tiếp đến động lực học tập, mức độ hài lòng và sự tham gia của SV trong lớp học. Những GV có hành vi phi ngôn ngữ tích cực thường tạo cảm giác gần gũi và thúc đẩy tương tác hai chiều song tại Việt Nam, các nghiên cứu về hành vi phi ngôn ngữ trong giảng dạy Tiếng Anh vẫn còn hạn chế và chủ yếu tập trung vào góc nhìn của giáo viên. Do đó, việc nghiên cứu nhận

thức của SV sẽ góp phần cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về vai trò của giao tiếp phi ngôn từ trong lớp học ngoại ngữ.

3.5. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu quốc tế về hành vi phi ngôn từ trong giáo dục vẫn còn một số khoảng trống đáng chú ý. Thứ nhất, còn thiếu các nghiên cứu tập trung vào bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam. Thứ hai, chưa có nhiều nghiên cứu khảo sát trực tiếp nhận thức của SV về hành vi phi ngôn từ của GV. Thứ ba, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào kết quả học tập chung thay vì kỹ năng nói tiếng Anh. Ngoài ra, hiện chưa có nhiều nghiên cứu được thực hiện tại Trường Đại học Điện lực. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành nhằm góp phần bổ sung những khoảng trống trên.

3.6. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.6.1. Nhận thức chung của sinh viên về hành vi phi ngôn từ của giảng viên

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV nhận thức rõ vai trò của hành vi phi ngôn từ trong lớp học kỹ năng nói tiếng Anh. Có tới 87% SV đồng ý rằng hành vi phi ngôn từ của GV ảnh hưởng trực tiếp đến cảm xúc và động lực học tập của họ. Nhiều SV cho biết họ cảm thấy thoải mái và tự tin hơn khi GV sử dụng ánh mắt thân thiện, nụ cười khích lệ và cử chỉ tích cực. Một SV chia sẻ: “Em cảm thấy dễ nói tiếng Anh hơn khi cô giáo mỉm cười và nhìn vào em thay vì chỉ đứng đọc bài”. Một SV khác cho biết: “Khi GV dùng cử chỉ minh họa hoặc gật đầu động viên, em cảm thấy mình đang được lắng nghe và muốn tham gia phát biểu hơn.”. Điều này cho thấy hành vi phi ngôn từ không chỉ hỗ trợ truyền đạt thông tin mà còn góp phần xây dựng mối quan hệ tích cực giữa GV và SV.

Bảng 1: Nhận thức chung của SV về vai trò của hành vi phi ngôn từ

Nội dung khảo sát	Mean	SD	Đồng ý và hoàn toàn đồng ý (%)
Hành vi phi ngôn từ ảnh hưởng đến việc học nói tiếng Anh	4.42	0.71	87
Hành vi phi ngôn từ giúp lớp học sinh động hơn	4.35	0.76	85.1
Hành vi phi ngôn từ giúp tăng sự tham gia giao tiếp	4.28	0.81	82.8
GV thường xuyên sử dụng hành vi phi ngôn từ	4.01	0.88	74.9
Hành vi phi ngôn từ giúp giảm lo lắng khi nói tiếng Anh	4.19	0.84	80.5

3.6.2. Những hành vi phi ngôn từ tích cực có ảnh hưởng lớn đến việc học kỹ năng nói

Bảng 2 trình bày mức độ đánh giá của SV đối với các hành vi phi ngôn từ tích cực của GV trong lớp học kỹ năng nói tiếng Anh. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV có xu hướng đánh giá cao vai trò của các hành vi như giao tiếp bằng mắt, nụ cười khích lệ, nét mặt thân thiện, cử chỉ tay minh họa và giọng nói truyền cảm. Các hành vi này không chỉ góp phần tạo bầu không khí học tập tích cực mà còn giúp SV cảm thấy tự tin, thoải mái và hứng thú hơn khi tham gia các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh. Thông qua giá trị trung bình (Mean), độ lệch chuẩn (SD) và tỷ lệ đánh giá tích cực, bảng số liệu phản ánh rõ mức độ ảnh hưởng của từng loại hành vi phi ngôn từ đối với quá trình học kỹ năng nói của SV tại Trường Đại học Điện lực.

Bảng 2: Các hành vi phi ngôn từ tích cực của giảng viên

Hành vi phi ngôn từ	Mean	SD	Tỷ lệ đánh giá tích cực (%)
Giao tiếp bằng mắt	4.58	0.63	91
Nụ cười khích lệ	4.49	0.69	88
Nét mặt thân thiện	4.44	0.72	86.5
Cử chỉ tay minh họa	4.23	0.79	82
Giọng nói truyền cảm	4.11	0.83	79
Gật đầu động viên	4.17	0.77	81.4
Di chuyển và tương tác gần SV	4.08	0.85	78.6

a. Giao tiếp bằng mắt: Được SV đánh giá là hành vi phi ngôn từ có ảnh hưởng tích cực nhất trong lớp học kỹ năng nói tiếng Anh. Có 91% SV cho rằng ánh mắt của GV giúp họ cảm thấy được quan tâm và

có động lực tham gia phát biểu. Trong lớp học giao tiếp, ánh mắt không chỉ là công cụ quản lý lớp mà còn là phương tiện tạo kết nối tâm lý giữa GV và SV. Khi GV duy trì giao tiếp bằng mắt, SV cảm thấy sự hiện diện và chú ý của mình được ghi nhận. Ngược lại, khi GV ít giao tiếp bằng mắt hoặc chỉ tập trung vào một nhóm SV, nhiều người học cảm thấy bị bỏ quên và thiếu động lực tham gia.

b. Nụ cười và nét mặt thân thiện: Khoảng 88% SV cho rằng nụ cười và biểu cảm khuôn mặt tích cực giúp giảm căng thẳng khi nói tiếng Anh. Trong bối cảnh nhiều SV Việt Nam còn e ngại khi sử dụng ngoại ngữ, thái độ thân thiện của GV có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Một SV chia sẻ: “Mỗi lần em nói sai mà cô vẫn cười động viên thì em không còn sợ phát biểu nữa”. Điều này phù hợp với các nghiên cứu trước đây cho rằng môi trường học tập tích cực có thể giảm lo lắng ngôn ngữ và tăng khả năng tham gia giao tiếp của người học.

c. Cử chỉ tay minh họa: Cử chỉ tay được đánh giá là công cụ hỗ trợ hiệu quả trong việc giải thích từ vựng và tình huống giao tiếp. Khoảng 82% SV cho rằng cử chỉ giúp họ hiểu bài nhanh hơn và ghi nhớ lâu hơn.

Trong lớp học kỹ năng nói, nhiều khái niệm hoặc tình huống giao tiếp trở nên dễ hiểu hơn khi GV sử dụng cử chỉ minh họa phù hợp. Điều này đặc biệt hữu ích đối với SV có vốn từ vựng còn hạn chế.

d. Giọng nói và ngữ điệu: Giọng nói truyền cảm, tốc độ nói phù hợp và sự thay đổi ngữ điệu được nhiều SV đánh giá cao. Có 79% SV cho rằng giọng nói sinh động của GV giúp lớp học trở nên hấp dẫn hơn. Ngược lại, giọng nói đơn điệu hoặc quá nhỏ có thể khiến SV mất tập trung và giảm hứng thú học tập.

3.6.3. Tác động của hành vi phi ngôn từ đến sự tự tin khi nói tiếng Anh

Một trong những kết quả đáng chú ý của nghiên cứu là mối liên hệ giữa hành vi phi ngôn từ của GV và sự tự tin của SV khi sử dụng tiếng Anh. Có tới 84% SV cho biết họ cảm thấy tự tin hơn khi GV sử dụng các tín hiệu phi ngôn từ mang tính khích lệ như gật đầu, mỉm cười hoặc ánh mắt tích cực. Điều này cho thấy phản hồi phi ngôn từ có vai trò tương tự như sự khích lệ bằng lời nói.

Trong các lớp học kỹ năng nói, SV thường lo lắng về việc mắc lỗi phát âm hoặc sử dụng sai ngữ pháp. Nếu GV thể hiện thái độ căng thẳng hoặc thiếu kiên nhẫn thông qua nét mặt và cử chỉ, SV sẽ dễ mất tự tin và ngại phát biểu. Ngược lại, những hành vi phi ngôn từ tích cực tạo ra cảm giác an toàn tâm lý, giúp SV mạnh dạn tham gia hoạt động giao tiếp.

a. Tác động của hành vi phi ngôn từ đến động lực học tập: Động lực học tập là yếu tố quyết định sự tham gia và tiến bộ của người học trong quá trình học ngoại ngữ. Kết quả nghiên cứu cho thấy hành vi phi ngôn từ của GV có ảnh hưởng rõ rệt đến động lực học tập của SV. Khoảng 86% SV đồng ý rằng họ hứng thú học hơn khi GV có phong thái năng động và thân thiện. Những lớp học mà GV thường xuyên di chuyển, tương tác bằng ánh mắt và sử dụng biểu cảm tích cực thường có không khí sôi nổi hơn. Một số SV cho rằng hành vi phi ngôn từ giúp giảm cảm giác nhàm chán trong các tiết học kéo dài. Điều này cho thấy giao tiếp phi ngôn từ không chỉ hỗ trợ truyền đạt kiến thức mà còn góp phần duy trì sự chú ý và năng lượng học tập.

b. Những hành vi phi ngôn từ tiêu cực ảnh hưởng đến SV: Bên cạnh những tác động tích cực, nghiên cứu cũng cho thấy một số hành vi phi ngôn từ tiêu cực của GV có thể ảnh hưởng đến tâm lý và hiệu quả học kỹ năng nói tiếng Anh của SV. Ánh mắt nghiêm khắc hoặc thiếu thiện cảm khiến nhiều SV lo lắng, sợ mắc lỗi và ngại phát biểu (Mottet & Richmond, 2002). Biểu cảm lạnh lùng, thái độ quá nghiêm túc hay khoảng cách giao tiếp quá lớn cũng làm giảm sự tương tác và cảm giác thoải mái của người học trong lớp học (Bambaerero & Shokrpour, 2017). Ngoài ra, giọng nói đơn điệu hoặc tốc độ nói quá nhanh khiến SV khó theo dõi bài học và dễ mất tập trung (Harmer, 2007). Theo Vygotsky (1978), học tập ngôn ngữ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tương tác xã hội; vì vậy, việc thiếu kết nối giữa GV và SV có thể hạn chế sự tham gia giao tiếp của người học. Điều này cho thấy hành vi phi ngôn từ nếu sử dụng chưa phù hợp có thể trở thành rào cản tâm lý trong quá trình học ngoại ngữ (Brown, 2001).

3. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy hành vi phi ngôn từ của GV có ảnh hưởng rõ rệt đến việc học kỹ năng nói tiếng

Anh của SV Trường Đại học Điện lực. Các hành vi tích cực như giao tiếp bằng mắt, nụ cười, cử chỉ minh họa và giọng nói biểu cảm giúp tăng động lực, giảm lo lắng và cải thiện sự tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh. Ngược lại, những hành vi tiêu cực như ánh mắt nghiêm khắc, biểu cảm lạnh lùng hoặc giọng nói đơn điệu có thể làm giảm sự tham gia và động lực học tập của SV.

Nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận về giao tiếp phi ngôn từ trong giảng dạy ngoại ngữ, đồng thời đưa ra những gợi ý thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh trong môi trường đại học. Trong thời gian tới, các cơ sở giáo dục cần chú trọng hơn đến việc đào tạo và phát triển kỹ năng giao tiếp phi ngôn từ cho GV nhằm xây dựng môi trường học tập tích cực và tăng cường tương tác trong lớp học ngoại ngữ. Từ kết quả nghiên cứu có thể thấy việc nâng cao hiệu quả sử dụng hành vi phi ngôn từ trong giảng dạy là cần thiết nhằm cải thiện chất lượng học kỹ năng nói tiếng Anh cho SV. Trước hết, nhà trường cần tổ chức các khóa tập huấn chuyên đề về giao tiếp phi ngôn từ cho GV tiếng Anh, tập trung vào vai trò của hành vi phi ngôn từ trong giảng dạy, kỹ năng sử dụng ánh mắt, cử chỉ, giọng nói và biểu cảm để tạo môi trường học tập tích cực. Bên cạnh đó, nội dung giao tiếp phi ngôn từ nên được tích hợp vào các chương trình đào tạo và bồi dưỡng GV như một phần quan trọng của năng lực sư phạm. SV cũng cần được tạo cơ hội phản hồi về phong cách giảng dạy và mức độ tương tác của GV giúp họ điều chỉnh hành vi giao tiếp phù hợp hơn với nhu cầu người học. Ngoài ra, GV cần xây dựng môi trường lớp học thân thiện, khuyến khích SV phát biểu, chấp nhận lỗi sai như một phần tự nhiên của quá trình học tập và tạo cảm giác an toàn tâm lý cho người học thông qua các hành vi phi ngôn từ tích cực. Việc tăng cường các hoạt động giao tiếp như thảo luận nhóm, đóng vai, thuyết trình hoặc trò chơi ngôn ngữ cũng góp phần thúc đẩy tương tác và nâng cao hiệu quả học tập. Cuối cùng, GV có thể ứng dụng công nghệ bằng cách quay video tiết dạy hoặc quan sát đồng nghiệp để tự đánh giá và cải thiện kỹ năng sử dụng hành vi phi ngôn từ trong lớp học.

Nghiên cứu cho thấy hành vi phi ngôn từ của GV có ảnh hưởng rõ rệt đến việc học kỹ năng nói tiếng Anh của SV Trường Đại học Điện lực. Các hành vi tích cực như giao tiếp bằng mắt, nụ cười, cử chỉ minh họa và giọng nói biểu cảm giúp tăng động lực, giảm lo lắng và cải thiện sự tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh. Ngược lại, những hành vi tiêu cực như ánh mắt nghiêm khắc, biểu cảm lạnh lùng hoặc giọng nói đơn điệu có thể làm giảm sự tham gia và động lực học tập của SV. Nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận về giao tiếp phi ngôn từ trong giảng dạy ngoại ngữ, đồng thời đưa ra những gợi ý thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh trong môi trường đại học.

Tài liệu tham khảo

- Bambaeeroo, F., & Shokrpour, N. (2017). The impact of the teachers' non-verbal communication on success in teaching. *Journal of Advances in Medical Education & Professionalism*, 5(2), 51-59.
- Borg, S. (2006). *Teacher Cognition and Language Education*. London: Continuum.
- Brown, H. D. (2001). *Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy*. New York: Longman.
- Cohen, L., Manion, L., & Morrison, K. (2000). *Research Methods in Education*. London: Routledge.
- Ellis, R. (1994). *The Study of Second Language Acquisition*. Oxford: Oxford University Press.
- Fatemeh, R., Farahman, F., & Hamed, R. (2014). *The Impact of Nonverbal Communication on EFL Learners' Learning*. Theory and Practice in Language Studies, 4(1), 79-84.
- Harmer, J. (2007). *The Practice of English Language Teaching*. London: Pearson Education.
- Knapp, M. L., & Hall, J. A. (2010). *Nonverbal Communication in Human Interaction*. Boston: Wadsworth.
- MacIntyre, P. D. (2007). *Willingness to communicate in the second language*. Language Learning, 57(4), 564-576.
- Mehrabian, A. (1971). *Silent Messages*. Belmont, CA: Wadsworth.
- Mottet, T. P., & Richmond, V. P. (2002). *Teacher nonverbal immediacy and student learning*. Communication Education, 51(1), 31-45.
- Nguyễn, H. T. M., Lê, T. T., & Barnard, R. (2015). *Changing approaches to teaching English in Vietnamese higher education*. In English Language Teaching in Vietnam: Learner-Centred Reforms. New York: Routledge.
- Richards, J. C. (2006). *Communicative Language Teaching Today*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Ur, P. (1996). *A Course in Language Teaching*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in Society*. Cambridge, MA: Harvard University Press.